

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38 /2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:..... <i>4608</i>
	Ngày: <i>23</i> / <i>7</i> / <i>2014</i>
	Chuyên:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Tố cáo ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 428/TTr-TTT ngày 04/7/2014, của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 45/BC-STP ngày 14/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2007/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư Pháp);
- Trụ sở Tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MT TQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách của Tỉnh ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- VPUB: PCVP, các phòng, đơn vị trực thuộc, CBTH;
- Lưu: VT, NC (dmhai 373)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI



Lê Quang Thích

QUY ĐỊNH

**Về việc thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND
ngày 23/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về việc thụ lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Những nội dung về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không được quy định trong Quy định này thì được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban tiếp công dân của tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách Trụ sở tiếp công dân của tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thẩm tra, xác minh vụ việc khiếu nại, tố cáo.

4. Người khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương II
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

Điều 3. Khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Khiếu nại lần đầu đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức do mình ban hành theo thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức.

3. Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

4. Khiếu nại lần hai đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức do người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết nhưng còn khiếu nại.

5. Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã giải quyết nhưng còn khiếu nại.

6. Khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại.

Điều 4. Kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật bị khiếu nại trong giải quyết khiếu nại lần đầu

Đối với các khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tiếp công dân của tỉnh phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, dự thảo văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho cơ quan đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, thực hiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức kiểm tra, rà soát lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật bị khiếu nại.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật do mình tham mưu; nếu trái pháp luật phải kịp thời sửa chữa, khắc phục. Trường hợp người khiếu nại đồng tình với kết quả khắc phục quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật thì kết thúc vụ việc mà không phải thụ lý. Trường hợp người khiếu nại không đồng tình thì thực hiện thủ tục thụ lý theo quy định.

Điều 5. Quy trình giải quyết khiếu nại

Quy trình giải quyết khiếu nại tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và quy định cụ thể tại Quy định này.

Điều 6. Thụ lý, giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh

1. Việc thụ lý, giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tuân theo Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh Quảng Ngãi, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai gửi đến lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và Trụ sở tiếp công dân tỉnh. Văn bản thụ lý thực hiện theo mẫu quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh khi tiếp nhận được đơn khiếu nại thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý nhưng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn phải có văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý theo quy định của pháp luật; không được trả lại đơn và hướng dẫn công dân gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; không chuyển đơn cho Trụ sở tiếp công dân của tỉnh. Nếu đơn không thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý thì chuyển cho Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh để xử lý theo Quy định này.

3. Khi tiếp nhận được văn bản đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 05 ngày làm việc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải hoàn thành việc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh kèm theo đơn hợp pháp và tài liệu có liên quan để gửi cho cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh.

Điều 7. Phân định trách nhiệm thẩm tra, xác minh khiếu nại

1. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Thủ trưởng cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật, thực hiện hành vi hành chính bị khiếu nại chịu trách nhiệm thẩm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại có tố cáo Thủ trưởng cơ quan đã tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật, thực hiện hành vi hành chính bị khiếu nại, hoặc người khiếu nại có phản ánh, kiến nghị không giao cho Thủ trưởng cơ quan chuyên môn đó thẩm tra, xác minh thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Chánh Thanh tra tỉnh hoặc thành lập tổ công tác liên ngành để thẩm tra, xác minh.

2. Các khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan nào thì Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản

lý nhà nước bị khiếu nại đó có trách nhiệm thẩm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

3. Chánh Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vụ việc liên quan đến nhiều ngành, địa phương hoặc các vụ việc phức tạp mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thấy cần thiết phải giao Chánh Thanh tra tỉnh.

4. Trường hợp vụ việc có tính chất đông người, tiềm ẩn phát sinh yếu tố gây mất an ninh trật tự trên địa bàn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành xác minh, kết luận và kiến nghị biện pháp giải quyết hoặc thành lập đoàn thanh tra, tổ công tác liên ngành để xác minh, làm rõ và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

Điều 8. Thẩm tra, xác minh và kết luận, kiến nghị biện pháp giải quyết

1. Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, xác minh tiến hành việc xác minh theo quy định của Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Việc thẩm tra, xác minh phải thực hiện trong thời hạn pháp luật đã quy định. Trường hợp trong quá trình thẩm tra phát sinh những vướng mắc, trở ngại khách quan không thể hoàn thành trong thời hạn thì phải có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo cho người khiếu nại biết rõ lý do.

3. Trong quá trình thẩm tra, xác minh phải đảm bảo tạo điều kiện người khiếu nại và các bên liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 12, Điều 13 và Điều 16 của Luật Khiếu nại.

4. Các kết luận, kiến nghị phải nêu rõ bằng chứng và phải viện dẫn cụ thể điều khoản của văn bản pháp luật áp dụng.

5. Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải kèm theo dự thảo quyết định giải quyết, trừ trường hợp phải đối thoại theo quy định pháp luật và đề xuất thông qua Hội đồng tư vấn xử lý hành chính theo Quy định này. Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh khiếu nại được thực hiện theo mẫu quy định.

Điều 9. Đối thoại với người khiếu nại

1. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại và các tổ chức, cá nhân có liên quan nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh còn nội dung khác nhau.

2. Đối với khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết lần hai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gặp gỡ, đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và các tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi ban hành quyết định giải quyết.

3. Việc đối thoại tiến hành theo quy định của Luật Khiếu nại và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả đối thoại là một trong căn cứ làm cơ sở cho việc giải quyết khiếu nại.

Điều 10. Rút khiếu nại và đình chỉ việc giải quyết khiếu nại

1. Người khiếu nại có quyền rút khiếu nại trong bất kỳ giai đoạn nào trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

2. Việc rút khiếu nại được thực hiện bằng đơn của người khiếu nại hoặc bằng biên bản làm việc giữa cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh với người khiếu nại.

3. Khi người khiếu nại rút khiếu nại, Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định đình chỉ việc giải quyết khiếu nại. Văn bản đình chỉ giải quyết khiếu nại được thực hiện theo mẫu quy định.

Điều 11. Ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc kiểm tra, rà soát báo cáo kết quả xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết và dự thảo quyết định giải quyết của Thủ trưởng cơ quan làm nhiệm vụ xác minh vụ việc đã trình về hình thức văn bản, thẩm quyền giải quyết, căn cứ pháp lý để giải quyết để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định giải quyết của cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh. Quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện theo mẫu quy định.

2. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã đối thoại với người khiếu nại nhưng không yêu cầu thẩm tra, xác minh bổ sung thì trong thời hạn 05 ngày sau khi kết thúc đối thoại cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh vụ việc phải trình dự thảo quyết định giải quyết (*thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*). Trường hợp sau đối thoại Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu xác minh bổ sung thì cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phải báo cáo bổ sung, trình dự thảo quyết định giải quyết trong vòng 10 ngày kể từ ngày đối thoại. Sau khi nhận được dự thảo quyết định giải quyết của cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan được giao thẩm tra, xác minh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vụ việc ra Hội đồng tư vấn xử lý hành chính của tỉnh xem xét trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thì Chánh văn phòng phải xếp lịch họp theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp Hội đồng tư vấn xử lý hành chính của tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận đã đủ điều kiện giải quyết thì trong thời hạn 05 ngày tiếp theo sau khi kết thúc cuộc họp Hội đồng tư vấn, cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phải trình dự thảo quyết định giải quyết (*thông qua Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*). Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp sau khi họp Hội đồng tư vấn xử lý hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải xác minh, thu thập thêm tài liệu, hoặc giám định thì trong thời hạn 05 ngày Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải ra văn bản thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch để cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện. Sau khi có kết quả thẩm tra, xác minh bổ sung hoặc kết quả giám định, nếu không có tình tiết phức tạp cần phải họp lại Hội đồng tư vấn xử lý hành chính thì sau khi nhận được báo cáo kết quả xác minh bổ sung hoặc kết quả giám định và dự thảo Quyết định giải quyết, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải họp lại Hội đồng tư vấn xử lý hành chính thì thực hiện như khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan làm nhiệm vụ thẩm tra, xác minh, kết luận kiến nghị việc giải quyết không đề nghị đưa ra Hội đồng tư vấn xử lý hành chính của tỉnh nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan làm nhiệm vụ xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết không đề nghị đưa ra Hội đồng tư vấn xử lý hành chính của tỉnh xem xét nhưng qua kiểm tra Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phát hiện được những vấn đề chưa rõ, cần bổ sung, sửa đổi thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh thực hiện. Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh phải hoàn chỉnh và trình dự thảo quyết định giải quyết. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như khoản 1 Điều này.

Điều 12. Gửi và công khai quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, Bộ quản lý chuyên ngành, Thanh tra Chính phủ, Trụ sở Tiếp công dân Trung ương đặt tại

Hà Nội, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến, Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh và Thanh tra tỉnh.

2. Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

Điều 13. Tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật

Việc tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18 và Điều 19 của Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân không thực hiện hoặc chậm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III GIẢI QUYẾT TỐ CÁO

Điều 14. Tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, và cán bộ, công chức, viên chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, quản lý trực tiếp.

Việc giải quyết tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhưng kết quả giải quyết tố cáo phải được công khai theo quy định của Luật Tố cáo.

2. Tố cáo mà người đứng đầu cơ quan cấp dưới trực tiếp đã giải quyết nhưng phát hiện có một trong những dấu hiệu vi phạm pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

3. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực nhưng có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

Điều 15. Quy trình giải quyết tố cáo

Quy trình giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo và các quy định cụ thể tại Quy định này.

Điều 16. Thủ lý giải quyết tố cáo

1. Việc thụ lý tố cáo cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát sinh đến Trụ sở tiếp công dân của tỉnh thực hiện theo Quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân tỉnh Quảng Ngãi, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tranh chấp đất đai gửi đến lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và Trụ sở tiếp công dân của tỉnh. Quyết định thụ lý và giao nhiệm vụ xác minh tố cáo được thực hiện theo mẫu quy định.

2. Đối với đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy định này thì Trưởng Ban tiếp công dân của tỉnh chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thụ lý, giao cho một cơ quan chủ trì xác minh, tham mưu giải quyết hoặc thành lập đoàn thanh tra, tổ công tác liên ngành để xác minh, tham mưu giải quyết.

Việc giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 33 Luật Tố cáo và Điều 5 Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

Điều 17. Tổ chức thẩm tra, xác minh tố cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao

1. Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh, Đoàn/Tổ xác minh phải tiến hành việc xác minh tố cáo theo đúng quy định của Luật Tố cáo, Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo và Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo; tiến hành các biện pháp cần thiết theo thẩm quyền và theo quy định pháp luật để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo, chịu trách nhiệm trực tiếp về tính chính xác, khách quan, trung thực, đúng pháp luật của kết luận nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trong trường hợp cần thiết phải kéo dài thời gian xác minh tố cáo, Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh, Đoàn/Tổ xác minh phải báo cáo đề xuất bằng văn bản để Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét

quyết định việc gia hạn giải quyết tố cáo. Quyết định gia hạn giải quyết tố cáo thực hiện theo mẫu quy định.

Điều 18. Yêu cầu đối với cơ quan, cán bộ làm nhiệm vụ xác minh tố cáo

Quá trình thẩm tra, xác minh tố cáo phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về giải quyết tố cáo và các yêu cầu sau:

1. Phải đảm bảo giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo; thực hiện hoặc kiến nghị người, cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ người tố cáo theo quy định tại các Điều 14, 15, 16, 17, 18 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo.

2. Không được cử người có quan hệ huyết thống, tình cảm, kinh tế với đối tượng bị tố cáo tham gia thẩm tra, xác minh, kết luận vụ việc; trường hợp người có thẩm quyền cử không biết về mối quan hệ này thì người được cử phải có trách nhiệm báo cáo đầy đủ với người có thẩm quyền; việc báo cáo phải bằng văn bản.

3. Phải tạo điều kiện để người bị tố cáo được giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo cần xác minh. Việc tiếp nhận giải trình của người bị tố cáo phải được lập thành biên bản có chữ ký của người xác minh nội dung tố cáo và người bị tố cáo.

4. Sau khi kết thúc việc xác minh Thủ trưởng cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ xác minh tố cáo, Trưởng Đoàn/Tổ trưởng Đoàn/Tổ xác minh phải có văn bản báo cáo kết quả xác minh, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo, đồng thời gửi kèm theo dự thảo kết luận và văn bản xử lý tố cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo kết quả xác minh tố cáo được thực hiện theo mẫu quy định.

Điều 19. Kết luận nội dung tố cáo và xử lý kết vi phạm

1. Thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo:

a) Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo để người bị tố cáo biết và tiếp tục giải trình. Việc thông báo có thể thực hiện bằng hình thức gửi dự thảo kết luận hoặc tổ chức cuộc họp để thông báo. Trường hợp tổ chức cuộc họp thì nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản, ghi nhận đầy đủ ý kiến của những người được thông báo, có chữ ký xác nhận của người chủ trì và người được thông báo, đồng thời không được làm lộ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác của người tố cáo.

b) Trường hợp trong dự thảo kết luận nội dung tố cáo có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc các thông tin có hại cho người tố cáo thì không thông báo những thông tin đó.

2. Kết luận nội dung tố cáo:

a) Căn cứ vào nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, dự thảo kết luận nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận bằng văn bản về nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo được thực hiện theo mẫu quy định.

b) Trường hợp Tổ trưởng, Trưởng đoàn xác minh hoặc Thủ trưởng cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xác minh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu phải thông qua Hội đồng tư vấn xử lý hành chính thì thực hiện như quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 11 của Quy định này.

3. Xử lý tố cáo:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cùng Thủ trưởng cơ quan được giao xác minh tố cáo hoặc Trưởng đoàn, Tổ trưởng của Đoàn/Tổ xác minh chịu trách nhiệm tham mưu xử lý như sau:

a) Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản cho người bị tố cáo, cơ quan quản lý người bị tố cáo biết, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;

b) Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm quy định trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp kết luận hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền và yêu cầu Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ xác minh bàn giao hồ sơ cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận chỉ đạo bàn giao hồ sơ.

d) Trong trường hợp người bị tố cáo có vi phạm pháp luật phải xử phạt vi phạm hành chính thì tham mưu việc chỉ đạo lập Biên bản vi phạm hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định xử phạt kịp thời theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 20. Gửi kết luận nội dung tố cáo và công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Việc gửi kết luận nội dung tố cáo thực hiện theo Điều 26 Luật Tố cáo.

2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo và Điều 11 Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo.

3. Trong trường hợp người tố cáo có yêu cầu thông báo kết quả giải quyết tố cáo thì Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho người tố cáo bằng một trong hai hình thức sau đây:

a) Gửi văn bản kết luận nội dung tố cáo và các quyết định, văn bản xử lý tố cáo. Trường hợp trong các văn bản nói trên có nội dung thuộc bí mật nhà nước thì phải trích văn bản để loại bỏ những thông tin đó trước khi gửi cho người tố cáo.

b) Gửi văn bản thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo. Việc thông báo kết quả phải đảm bảo không tiết lộ các nội dung thuộc bí mật nhà nước. Văn bản thông báo được thực hiện theo mẫu quy định.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và mọi cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phải chấp hành nghiêm túc Quy định này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quy định của pháp luật, của Quy định này và điều kiện cụ thể của ngành, địa phương để ban hành Quy định phù hợp cho cấp mình, nhằm thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong ngành, địa phương.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm căn cứ vào Quy định này để phân công, phối hợp giữa cá nhân, tổ chức trong nội bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trụ sở tiếp công dân của tỉnh; phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; theo dõi, tổng hợp ý kiến, đánh giá về tình hình thực hiện Quy định này báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cá nhân, tổ chức có thành tích, xử lý hành vi vi phạm.

Điều 22. Áp dụng các biểu mẫu trong tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai

1. Các biểu mẫu có liên quan đến công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này thực hiện theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

2. Trường hợp Thanh tra Chính phủ chưa quy định mẫu hoặc có quy định nhưng chưa đủ chi tiết thì giao Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn Ban tiếp công dân của tỉnh và các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng cụ thể cho phù hợp.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị, cá nhân có liên quan phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; giao Thanh tra tỉnh làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Quang Thích